

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4090/TTr-SGTVT ngày 23/12/2024 và Tờ trình số 4230/TTr-SGTVT ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La, như sau:

1. Công bố danh mục 14 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 01 thủ tục hành chính cấp huyện, 01 thủ tục hành chính cấp xã lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Phê duyệt 16 quy trình nội bộ giải quyết đối với 16 thủ tục hành chính công bố mới thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

(Có Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Quyết định bãi bỏ danh mục 30 thủ tục và 30 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, như sau:

1. Bãi bỏ 26 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải tại số thứ tự 2, 4, 7, 8, 9, 10 mục I, phần A kèm theo Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; số thứ tự 1, mục I, phần A kèm theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải Sơn La; số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 mục I, phần A kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 26/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được công bố mới, bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La.

Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính cấp huyện lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải tại số thứ tự 2, 3, mục I, Phần B Phụ lục kèm theo Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 29/07/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La.

Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính cấp xã lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải tại số thứ tự 2, 3, mục I, Phần C Phụ lục kèm theo Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 29/07/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La.

(Có Phụ lục II kèm theo)

2. Bãi bỏ 26 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, 02 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, 02 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp xã lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

- 04 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 2, 3, mục I, Phụ lục IV và số thứ tự 2, 3, mục I, Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La.

- 06 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 2, 4, 7, 8, 9, 10, mục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 2722/QĐ-SGTVT ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

- 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, mục I, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

- 19 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, mục I, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /202 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	CẤP TỈNH (14 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (14 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					
1	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến	Không có	Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.
2	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực	Không có	Thông tư số 41/2024/TTBGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				tuyên		
3	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến	Không có	Thông tư số 41/2024/TTBGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ
4	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra + Trường hợp 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không có	Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.				
5	Công bố lại bến xe khách	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không có	Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
6	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến	Không có	Thông tư số 41/2024/TTBGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ
7	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
8	Cấp mới Giấy phép lái xe	10 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe	Các cơ sở đào tạo lái xe	Nộp trực tiếp	<p>- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần; + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.</p>	<p>- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;</p> <p>- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
9	Cấp lại Giấy phép lái xe	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến
10	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.	định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến
11	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần	- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
12	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.
13	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
14	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.	- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; - Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.
B	CẤP HUYỆN (01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					
1	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến	Không có	Thông tư số 41/2024/TTBGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ
C	CẤP XÃ (01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến	Không có	Thông tư số 41/2024/TTBGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI SƠN LA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /202 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	2.001002.000.00.00.H52	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải
2	1.002835.000.00.00.H52	Cấp mới Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải
3	1.002820.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải
4	1.002809.000.00.00.H52	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Sở Giao thông vận tải
5	1.002804.000.00.00.H52	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	Sở Giao thông vận tải
6	1.002801.000.00.00.H52	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	Sở Giao thông vận tải
7	1.002796.000.00.00.H52	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	Sở Giao thông vận tải
8	2.000769.000.00.00.H52	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động	Sở Giao thông vận tải
9	1.002300.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	Sở Giao thông vận tải

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
10	1.002793.000.00.00.H52	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	Sở Giao thông vận tải
11	1.002030.000.00.00.H52	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	Sở Giao thông vận tải
12	2.000872.000.00.00.H52	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	Sở Giao thông vận tải
13	1.001919.000.00.00.H52	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	Sở Giao thông vận tải
14	1.001896.000.00.00.H52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	Sở Giao thông vận tải
15	2.000847.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	Sở Giao thông vận tải
16	2.000881.000.00.00.H52	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	Sở Giao thông vận tải
17	1.002007.000.00.00.H52	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Giao thông vận tải
18	1.001994.000.00.00.H52	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	Sở Giao thông vận tải
19	1.001826.000.00.00.H52	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	Sở Giao thông vận tải
20	1.000028.000.00.00.H52	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam, Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
21	1.000583.000.00.00.H52	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ	Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải
22	1.001061.000.00.00.H52	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải
23	2.001919.000.00.00.H52	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác	Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải
24	1.001087.000.00.00.H52	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác	Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải
25	1.000583.000.00.00.H52	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ	Cục Đường bộ Việt Nam; Khu Quản lý đường bộ; Sở Giao thông vận tải
26	1.001035.000.00.00.H52	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý	Khu Quản lý đường bộ; Sở Giao thông vận tải
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
1	2.001919.000.00.00.H52	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND cấp huyện quản lý	UBND các huyện, thành phố

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
2	1.001087.000.00.00.H52	Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác do UBND cấp huyện quản lý	UBND các huyện, thành phố
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
1	2.001919.000.00.00.H52	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND cấp xã quản lý	UBND các xã, phường, thị trấn
2	1.001087.000.00.00.H52	Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác do UBND cấp xã quản lý	UBND các xã, phường, thị trấn

Phụ lục III
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /202 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (14 TTHC)

1. Cấp Giấy phép lái xe quốc tế

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.

- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Giấy phép lái xe (và tài liệu kèm theo)	3,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Chuyên viên in Giấy phép lái xe chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư; Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	In Giấy phép lái xe	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giấy phép lái xe đã hoàn thiện	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

2. Cấp mới Giấy phép lái xe

- Thời gian thực hiện: 10 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận Danh sách bàn giao Danh sách TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Văn thư	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Quyết định sát hạch; trúng tuyển (và tài liệu kèm theo)	6 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ	Văn thư; Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	In Giấy phép lái xe, Quyết định Sát hạch, trúng tuyển	2,5 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ	Giấy phép lái xe đã hoàn thiện	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

3. Cấp lại Giấy phép lái xe

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (*bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử*).

- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyên, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (<i>nếu có yêu cầu</i>)	1/2 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Giấy phép lái xe, Quyết định sát hạch, Quyết định trúng tuyển (<i>và tài liệu kèm theo</i>)	3 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyên kết quả bộ phận một cửa	Văn thư, Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	In Giấy phép lái xe	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giấy phép lái xe đã hoàn thiện	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

4. Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (*bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử*).

- Thời gian cắt giảm theo quy định: 1,5 ngày (*Giảm 30%*)

- Thời gian thực tế giải quyết sau khi cắt giảm thời gian: 3,5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (<i>nếu có yêu cầu</i>)	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Giấy phép lái xe (<i>và tài liệu kèm theo</i>)	2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư, Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Phát hành Giấy phép lái xe	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giấy phép lái xe đã hoàn thiện	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				3,5 ngày

5. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).

- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Giấy phép lái xe (và tài liệu kèm theo)	3,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư, Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Phát hành Giấy phép lái xe	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giấy phép lái xe đã hoàn thiện	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

6. Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).

- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Giấy phép lái xe (và tài liệu kèm theo)	3,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư, Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Phát hành Giấy phép lái xe	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giấy phép lái xe đã hoàn thiện	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

7. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).

- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Giấy phép lái xe (và tài liệu kèm theo)	3,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư, Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Phát hành Giấy phép lái xe	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giấy phép lái xe đã hoàn thiện	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

8. Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động

- Thời gian thực hiện: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyên, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/2 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Chứng chỉ (và tài liệu kèm theo)	1,0 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư, Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Phát hành Chứng chỉ	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Chứng chỉ đã hoàn thiện	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

9. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

- Thời gian thực hiện: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyên, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/8 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/8 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Giấy phép (và tài liệu kèm theo)	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/8 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/8 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư, Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Phát hành Giấy phép	1/8 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giấy phép ký đã hoàn thiện	1/8 ngày
Tổng thời gian thực hiện				01 ngày

10. Công bố đưa bến xe khách vào khai thác

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra
- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Quyết định Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.(và tài liệu kèm theo)	3,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư, Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Phát hành Quyết định Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Quyết định Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

11. Công bố lại bến xe khách

- Thời gian thực hiện: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra
- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Dự thảo Quyết định Công bố đưa bến xe khách vào khai thác (và tài liệu kèm theo)	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư; Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Phát hành Quyết định Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Quyết định Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

12. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

- Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Công chức bộ phận một cửa Sở GTVT	Hồ sơ	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định; dự thảo Tờ trình, văn bản Chấp thuận của UBND tỉnh	2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
Bước 4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả UBND tỉnh	Văn thư; Phòng chuyên môn Sở GTVT	Tờ trình; dự thảo văn bản Chấp thuận của UBND tỉnh	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận Tờ trình của Sở GTVT; dự thảo văn bản Chấp thuận của UBND tỉnh	Văn thư UBND tỉnh		1/4 ngày
Bước 6	Văn bản Chấp thuận của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Văn bản đầu ra	2,5 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn bản Chấp thuận của UBND tỉnh	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			07 ngày

13. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

- Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Công chức bộ phận một cửa Sở GTVT	Hồ sơ	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công, giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Thẩm định; dự thảo Tờ trình, văn bản cấp phép của UBND tỉnh	2 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
Bước 4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả UBND tỉnh	Văn thư; Phòng chuyên môn Sở GTVT	Tờ trình; dự thảo văn bản cấp phép của UBND tỉnh	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận Tờ trình của Sở GTVT; dự thảo văn bản cấp phép của UBND tỉnh	Văn thư UBND tỉnh		1/4 ngày
Bước 6	Văn bản Cấp phép của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Văn bản đầu ra	2,5 ngày
Bước 7	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn bản cấp phép của UBND tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

14. Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

- Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Thời gian cắt giảm theo quy định: 01 ngày (*Giảm 14,3%*)
- Thời gian thực tế giải quyết sau khi cắt giảm thời gian: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Công chức bộ phận một cửa Sở GTVT	Hồ sơ	1/2 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Lãnh đạo Phòng	Ý kiến phân công, giao xử lý hồ sơ	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Văn bản đầu ra	3,0 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
Bước 4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư; Phòng chuyên môn	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã đóng dấu	1/2 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa Sở GTVT	Văn bản cấp phép của Sở GTVT	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				06 ngày

B. CẤP HUYỆN**I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (01 TTHC)****1. Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác**

- Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Thời gian cắt giảm theo quy định: 01 ngày (*Giảm 14,3%*)
- Thời gian thực tế giải quyết sau khi cắt giảm thời gian: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn của huyện	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Hồ sơ	1/2 ngày
Bước 2	Phòng Chuyên môn UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng	Ý kiến phân công, giao xử lý hồ sơ	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	Văn bản đầu ra	3,0 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND huyện	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
Bước 4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư; Phòng chuyên môn	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã đóng dấu	1/2 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Văn bản cấp phép của UBND huyện	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				06 ngày

C. CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (01 TTHC)

1. Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

- Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Thời gian cắt giảm theo quy định: 01 ngày (*Giảm 14,3%*)
- Thời gian thực tế giải quyết sau khi cắt giảm thời gian: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình điện tử nội bộ:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyên, bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn của xã	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Hồ sơ	1/2 ngày
Bước 2	Phòng Chuyên môn của xã	Lãnh đạo Phòng	Ý kiến phân công, giao xử lý hồ sơ	1/2 ngày
		Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Văn bản đầu ra	3,0 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND xã	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
Bước 4	Văn thư đóng dấu, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư; Phòng chuyên môn	Văn bản trả lời Hồ sơ TTHC đã đóng dấu	1/2 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Văn bản cấp phép của UBND xã	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				06 ngày